

SINH KẾ CỦA NGƯỜI LÔ LÔ ĐEN Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH HÀ GIANG: TRUYỀN THỐNG VÀ BIẾN ĐỔI

ThS. Lục Mạnh Hùng
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết trình bày về những hoạt động sinh kế truyền thống của người Lô Lô ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang và biến đổi hiện nay. Dưới tác động của các chương trình chính sách hỗ trợ của Nhà nước cũng như quá trình hội nhập, những hoạt động sinh kế của người Lô Lô đã và đang có sự chuyển biến tích cực theo thời gian, giúp cho đời sống của đồng bào ngày càng được cải thiện. Sự đa dạng hóa nguồn thu nhập bằng các hoạt động mưu sinh khác nhau cho thấy hướng đi đúng đắn trong phát triển sinh kế của người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Từ khóa: Sinh kế, truyền thống, biến đổi, người Lô Lô, vùng biên giới, tỉnh Hà Giang.

Ngày nhận bài: 9/4/2019; ngày gửi phản biện: 2/7/2019; ngày duyệt đăng: 7/8/2019

Mở đầu

Dân tộc Lô Lô ở nước ta có dân số 4.541 người tính đến năm 2013 (Hoàng Nam, 2013), trong đó tập trung đông nhất ở ba tỉnh Cao Bằng, Hà Giang và Lai Châu. Lô Lô là dân tộc thuộc hệ ngôn ngữ Hán - Tạng, nhóm Tạng - Miến. Ngoài tên gọi Lô Lô, còn có các tên gọi khác như: *Ô Man, Lu Lọc Mần, La La, Qua La, Di Nhân, Di Gia, Mùn Chì, Mần Di* hay *Màn Di* (theo tiếng Lô Lô, *Mùn, Mần* có nghĩa là người; *Chì, Di* hoặc *Di* là tên dân tộc). Người Lô Lô ở Việt Nam được chia thành hai nhóm: Lô Lô Đen - *Màn Di no* và Lô Lô Hoa - *Màn Di qua* hay *Mà Di pu* (Khổng Diễn, Trần Bình, 2007). Theo Lê Trung Vũ, người Lô Lô chia làm 3 nhóm: Lô Lô Đen (*nhằng có mùn gì*), Lô Lô Hoa (*gáng go mùn gì*), Lô Lô Trắng (*mà tét mùn gì*), cư trú chủ yếu ở Hà Giang, Cao Bằng, Tây Bắc (Lê Trung Vũ, 2013).

Theo quan điểm của nhiều học giả và một số tài liệu nghiên cứu cho rằng, người Lô Lô ở Việt Nam có quan hệ đồng tộc với người Di ở Trung Quốc. Tiêu biểu là công trình nghiên cứu của Khổng Diễn và Trần Bình làm chủ biên *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam* do nhà xuất bản Thông tấn ấn hành năm 2007, các nhà nghiên cứu đưa ra quan điểm rằng người Di di cư để tránh sự áp bức bóc lột, đàn áp, truy đuổi của các triều đình phong kiến Trung Quốc (1508). Người Lô Lô ở Vân Nam tràn vào vùng Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa, việc di cư này diễn ra trong nhiều đợt, do nhiều nguyên nhân và vào các giai đoạn khác nhau, nhưng đông nhất là dưới triều đại nhà Minh trong lịch sử Trung Quốc (Khổng Diễn và Trần Bình, 2007). Ngoài ra, còn một số nghiên cứu khác về quan hệ này của người Lô Lô như: *Truyện cổ Lô Lô* của Lò

Giàng Páo và Hoàng Nam (1983); *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc* của Nguyễn Chí Huyền và các tác giả (2000);...

Huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang hiện nay có hai nhóm Lô Lô sinh sống là Lô Lô Hoa (*Màn Di Qua*) ở xã Sủng Là và Lô Lô Đen (*Màn Di No*) tập trung ở thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú. Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả phân tích sự biến đổi và chỉ ra những vấn đề tồn tại trong phát triển sinh kế, xóa đói giảm nghèo của người Lô Lô Đen ở thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Thôn Lô Lô Chải hình thành khoảng cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, hiện nay nằm dưới chân cột cờ Quốc gia Lũng Cú. Khí hậu nơi đây mang tính chất ôn đới gió mùa, độ cao trung bình 1.600m so với mực nước biển. Nhiệt độ trung bình năm từ 16 đến 18 độ C, chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Đây cũng là vùng có môi trường địa lý khắc nghiệt và điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do địa hình phức tạp nên giao thông đi lại không thuận tiện, khả năng khai thác đất đai phát triển nông nghiệp và tìm kiếm nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt rất hạn chế.

Thôn Lô Lô Chải cách trung tâm huyện Đồng Văn 24km, cách trung tâm xã Lũng Cú gần 1km. Tổng diện tích tự nhiên của thôn là 100ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 44ha, còn lại là đất đồi núi, hầu hết là núi đá. Thôn có tổng số 95 hộ dân với 442 nhân khẩu, gồm dân tộc Hmông và Lô Lô. Dân tộc Hmông có 10 hộ (chiếm 11%); dân tộc Lô Lô có 85 hộ (chiếm 89%), trong đó: số hộ có điều kiện kinh tế khá là 37 hộ với 170 nhân khẩu (chiếm 38,95%), số hộ cận nghèo là 14 hộ với 207 nhân khẩu (chiếm 46,32%). Đời sống của người dân trong thôn còn gặp nhiều khó khăn, sản xuất thuần nông, lương thực chủ yếu là cây ngô, bình quân lương thực tính theo đầu người từ 330 - 350kg/người/năm. Thu nhập bình quân đạt 12 triệu đồng/người/năm¹. Mặc dù điều kiện cũng như đời sống còn nhiều khó khăn, nhưng người dân thôn Lô Lô Chải đã chủ động nắm bắt mọi cơ hội, tận dụng các mối quan hệ tộc người và liên tộc người để tạo ra sự đa dạng trong các loại hình mưu sinh.

1. Đặc điểm sinh kế truyền thống của người Lô Lô ở xã Lũng Cú

1.1. Kinh tế nông nghiệp

Đặc điểm kinh tế cơ bản của người Lô Lô trước đây là tự cung tự cấp, thu nhập chính là từ làm ruộng nước và nương định canh, kết hợp săn bắn hái lượm. Đất trồng có thể chia làm ba loại: ruộng, nương định canh và thổ canh hóc đá. Từ xưa, đồng bào Lô Lô đã tiến hành thâm canh lúa và ngô trên ba loại đất trồng này. Lúa được canh tác một vụ ở ruộng cạn chờ mưa. Ngô được trồng ở nương định canh và thổ canh hóc đá. Xen canh, gối vụ, luân canh và be đá làm bờ nương chống xói mòn đã trở thành nếp canh tác truyền thống của đồng bào. Vùng đất Lũng Cú là khu vực không có sự ưu đãi của tự nhiên nên nguồn nước rất khan

¹ Báo cáo Đánh giá hiệu quả thực hiện hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị làng truyền thống tiêu biểu dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang Số: 245/BC-VHTTDL, ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang.

hiếm, điều kiện xây dựng hệ thống thủy lợi để canh tác nông nghiệp cũng gặp khó khăn. Để có được nương canh tác, người Lô Lô nơi đây phải kê đá làm nương (nương xếp đá). Diện tích đất canh tác của người dân thôn Lô Lô Chải thường là nương bằng, nương thấp hoặc nương màu. Họ tính diện tích theo số lượng kilogam hạt giống gieo trồng chứ không tính bằng các đơn vị đo lường như héc-ta hay mẫu, sào.

Cây trồng chính của người Lô Lô nơi đây là lúa, có nhiều loại giống thuộc lúa nếp (*khả tí*) và lúa tẻ (*khả te*). Cách lựa chọn giống lúa chủ yếu là giống lúa dài ngày của địa phương. Giống lúa này có năng suất thấp, nhưng cơm lại dẻo và rất thơm ngon. Ngô cũng được coi là cây lương thực chính của đồng bào nơi đây và được trồng ở những mảnh nương cao, nương thổ canh hốc đá. Cây ngô có nhiều loại giống: ngô nếp (*đu nhăng*), ngô tẻ (*đu phó*), ngô trắng (*đu phiu*), ngô đỏ (*đu nê*), ngô vàng (*đu khi*). Ngô nếp là giống dài ngày năng suất thấp nên người dân thường ít trồng hơn ngô tẻ.

Bên cạnh cây lương thực chính, người Lô Lô Đen ở xã Lũng Cú còn trồng các loại cây hoa màu khác nhằm bổ sung lương thực vào những ngày giáp hạt như đậu răng ngựa, đậu Hà Lan, cây dong riềng, cây đậu tương, cây tam giác mạch. Cây tam giác mạch có thể chế biến thành nhiều loại thức ăn như bánh, mèn mèn,... Người dân còn trồng xen canh những loại cây trồng khác như sắn, khoai lang, đậu đũa, rau cải, rau dền, bầu, bí ngô, bí đỏ, dưa, gừng... trên nương và trong rừng. Trong vườn nhà, do hạn chế về đất canh tác nên nhiều gia đình tận dụng mảnh vườn của mình trồng các giống đậu cô ve, đậu răng ngựa, rau diếp, rau cải, mồng tơi, su hào, bắp cải, xà lách, các loại rau thơm và gia vị,... Các cây ăn quả được trồng xung quanh nhà như chuối, mít, chanh, vải,...

Do hệ thống cây trồng đa dạng nên nông lịch của người Lô Lô cũng khá phong phú. Dựa trên kinh nghiệm gieo trồng, từ xa xưa cho đến nay người Lô Lô sử dụng lịch âm - dương theo chu kỳ 12 con giáp để định liệu các công việc nhà nông. Do cuộc sống gắn liền với canh tác nương rẫy, nên nông lịch thường được diễn ra vào mùa mưa. Khi mùa khô đến, người Lô Lô thường tiến hành các hoạt động phi nông nghiệp và dành thời gian cho những hoạt động mang tính cộng đồng như lễ hội, cưới xin, làm nhà,...

Chăn nuôi của người Lô Lô cũng được chú trọng, nhất là các loại gia súc như trâu, bò, lợn, dê. Trâu, bò được nuôi để sử dụng làm sức kéo, nhưng đối với những mảnh nương khác nhau, người dân sẽ lựa chọn sử dụng sức kéo của trâu hay bò sao cho phù hợp với đặc tính của những mảnh nương đó. Theo kinh nghiệm của người Lô Lô, trâu thường được dùng để cày nương màu, bò dùng để cày nương cao, vì thế trong chăn nuôi gia súc đồng bào chú trọng nuôi bò nhiều hơn trâu. Lợn được nuôi thường dùng cho lễ tết, cưới hỏi, tang ma trong gia đình, phần còn lại để bán ra thị trường. Giống lợn chủ yếu là lợn đen địa phương, các giống lợn lai ít được nuôi vì không phù hợp với khí hậu và tập quán chăn nuôi ở đây. Bên cạnh đó, những loại giống gia cầm như gà, vịt, ngan, ngỗng được các gia đình nuôi khá nhiều do những loại vật nuôi này phù hợp với điều kiện chăn nuôi và là nguồn cung cấp thức ăn chính của các hộ gia đình.

1.2. Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp của người Lô Lô khá phong phú, bao gồm nghề thủ công, trao đổi buôn bán, khai thác sản vật tự nhiên,... Nghề thủ công của người Lô Lô Đen không phát triển như ở một số dân tộc khác. Họ chỉ biết làm một số nghề đơn giản như thêu thùa, đan lát. Hầu hết các sản phẩm phục vụ cho sản xuất và đời sống đều phải đi mua của tộc người khác. Nhiều phụ nữ biết kéo sợi dệt vải nhưng không phải gia đình nào cũng làm. Hầu như chỉ các gia đình khá giả mới có người dệt vải. Nghề đan lát “là nghề phát triển nhất của họ” nhưng hiện nay không còn duy trì nhiều. Do sống gần người Hán nên người Lô Lô Đen học được nghề rèn, nhưng cũng chỉ làm được một số công cụ đơn giản.

Chợ xã Lũng Cú có quy mô khá lớn nằm ngay trung tâm xã dưới chân cột cờ Tổ Quốc, chợ thường họp theo phiên, là nơi mà người Lô Lô ở đây có thể tham gia trao đổi, buôn bán nhiều loại mặt hàng với giá cả tốt nhất. Ngoài ra, họ còn luân phiên đi đến chợ huyện Mèo Vạc, chợ huyện Đồng Văn cách nơi ở khoảng 25km đường mòn để trao đổi nhiều mặt hàng khác hoặc bán các loại nông sản để đổi hoặc mua những mặt hàng thiết yếu.

Gần vào mùa giáp hạt người Lô Lô ở xã Lũng Cú dành nhiều thời gian cho săn bắn và hái lượm. Công việc hái lượm thường dành cho tất cả mọi người, không phân biệt tuổi tác, giới tính. Trong khi đó, săn bắn lại là công việc của nam giới, họ có thể đi săn một mình hoặc đi săn tập thể.

2. Những biến đổi trong sinh kế của người Lô Lô ở xã Lũng Cú

2.1. Biến đổi trong hoạt động kinh tế nông nghiệp

Hoạt động trồng trọt của người Lô Lô Đen ở xã Lũng Cú hiện nay đang từng bước chuyển đổi về quan niệm, tập quán cũng như cách thức canh tác và giống cây trồng. Tuy nhiên, những thay đổi đó vẫn chưa thoát khỏi cái bóng của hình thức canh tác truyền thống. Do đó, hoạt động trồng trọt của người Lô Lô nơi đây đang phát triển theo xu hướng đan xen giữa truyền thống và biến đổi. Hình thức trồng trọt chủ yếu vẫn là nương rẫy, nên họ ngày càng khai khẩn, đắp kè để mở rộng đất sản xuất. Bên cạnh đó, họ còn gieo trồng nhiều giống cây trồng mới phục vụ nhu cầu tự túc thức ăn hàng ngày của mỗi gia đình.

Có thể nói, trong bối cảnh kinh tế thị trường, gia tăng dân số cùng với việc hoàn thiện dần hệ thống cơ sở hạ tầng và thông tin truyền thông, việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển của nhà nước và đổi mới cơ chế sở hữu đất đai đã và đang có những tác động thay đổi tích cực đến hoạt động trồng trọt của người Lô Lô so với những năm về trước. Người Lô Lô chủ yếu trồng lúa, ngô và hoa màu, trước đây mỗi năm chỉ trồng được một vụ nên họ thường thiếu ăn từ 1 - 2 tháng. Ngày nay, do chuyển đổi giống cây trồng nên người Lô Lô đã trồng được 2 vụ/năm, vì thế đời sống kinh tế của họ đã từng bước được cải thiện. Những giống cây trồng mới không chỉ thích ứng với điều kiện môi trường, mà còn là các mặt hàng dễ tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu mua bán trong bối cảnh kinh tế thị trường đang phát triển sâu rộng, tạo cơ hội tốt cho những bước phát triển tiếp theo. Có được thành tựu bước đầu này là

do cơ chế, chính sách đúng đắn của Nhà nước, từ việc giao đất, giao rừng, phát triển và đẩy mạnh công tác khuyến nông khuyến lâm, trợ cấp các loại giống mới, hỗ trợ cho đồng bào vay vốn với lãi suất thấp, tập huấn sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật... cho đến việc tạo mọi điều kiện có thể về mặt cơ sở hạ tầng như đường giao thông, cung cấp thông tin và phát triển truyền thông đại chúng. Như vậy, việc chuyển đổi giống cây trồng kết hợp canh tác thâm canh, xen canh là điều kiện tốt để giảm bớt khoảng thời gian nông nhàn, góp phần phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

Song song với việc giao đất giao rừng, Nhà nước còn tạo mọi cơ hội cho người dân miền núi nói chung, người Lô Lô ở xã Lũng Cú nói riêng phát triển nghề rừng, tham gia trồng và bảo vệ rừng, như dự án 661 của Bộ Quốc phòng về việc khoanh nuôi rừng, các dự án bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ rừng phòng hộ,... Các dự án này đã thu hút rất nhiều hộ gia đình người dân xã Lũng Cú tham gia và đã đem lại nguồn thu nhập đáng kể. Nhờ đó, đời sống của người dân đang từng bước ổn định với những mảnh nương rẫy được canh tác theo hướng xen canh, thâm canh và đa dạng hóa cây trồng để có thêm thu nhập. Các khu rừng sản xuất của hộ gia đình hoặc của cộng đồng được kết hợp khoanh nuôi và khai thác. Các loại rừng phòng hộ hay rừng bảo tồn thiên nhiên được kết hợp trồng mới và bảo vệ. Đây là biện pháp hữu hiệu để gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp nương rẫy với bảo vệ môi trường sinh thái trên cơ sở chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Do cư trú ở giáp đường biên giới Việt - Trung nên người dân đã giao lưu tìm hiểu và nhập được nhiều giống lúa mới cho năng suất cao từ Trung Quốc, mặc dù chất lượng kém hơn cây giống địa phương và dễ bị thoái hóa, sâu bệnh, nhưng lại đáp ứng được tính thời vụ và nhu cầu thị trường. Một số giống cây trồng phù hợp với địa hình khan hiếm nước như ở xã Lũng Cú. Từ việc nắm bắt được những đặc thù của địa phương mình, trong những năm gần đây được sự quan tâm đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, người dân trong thôn đã học hỏi và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong canh tác nương rẫy. Ngoài cây lúa, họ còn đưa giống ngô lai vào trồng cùng với giống ngô địa phương để tăng năng suất. Qua phỏng vấn chị Sinh Thị Xuyên ở thôn Lô Lô Chải, chúng tôi được biết: gia đình chị mỗi năm trồng 3kg giống ngô mới, khi thu hoạch được khoảng 20 tải tương đương 1 tấn ngô. Theo số liệu báo cáo của UBND xã Lũng Cú tính đến tháng 7 năm 2017, tổng diện tích trồng ngô tại thôn Lô Lô Chải là 44 ha, trong đó ngô giống mới là 43 ha, năng suất bình quân đạt 43 tạ/ha, sản lượng đạt 172 tấn; diện tích ngô địa phương thâm canh là 0,6 ha, năng suất bình quân đạt 26,3 tạ/ha, sản lượng đạt 1,58 tấn. Năng suất bình quân cấy ngô cả năm đạt 34 tạ/ha, sản lượng 184,8 tấn. Cây đậu tương cũng được người dân đưa vào trồng trong hai vụ và kết quả trong vụ xuân trồng được 15 ha, năng suất bình quân đạt 12 tạ/ha, sản lượng đạt 18 tấn; vụ thu đông trồng được 9 ha, năng suất bình quân đạt 14 tạ/ha, sản lượng đạt 12,6 tấn.

Trước đây, việc chăm sóc cây trồng chủ yếu được tập trung ở cây lương thực. Đến nay, người dân đã biết tận dụng thời gian cho việc tìm tòi và phát triển các loại cây trồng khác, trong đó một số cây trồng mang lại nguồn thu chủ yếu về tiền mặt, như cây thông, cây sa

mộc (Sa mộc còn có tên gọi cây sa mu, thuộc họ hoàng đàn). Ở Việt Nam cây sa mộc phân bố chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc, như Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng, Lạng Sơn... nhưng nổi tiếng và được biết đến nhiều nhất chính là ở cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Đây là những loại thân cây gỗ có giá trị rất cao, có thể dùng trong xây dựng và đóng đồ gia dụng. Đặc biệt với sức sống mãnh liệt, chịu được điều kiện khí hậu khắc nghiệt quanh năm nên cây rất hiệu quả trong công tác phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

Do yếu tố địa hình canh tác trên những mảnh nương cao, nương thổ canh hốc đá nên cơ giới hóa nông nghiệp gặp nhiều khó khăn bởi sự không tương thích của máy móc với địa hình đất đai. Tuy nhiên, độ cao, khí hậu và địa hình đất đai như vậy lại rất phù hợp với sự phát triển của cây tam giác mạch. Trước đây cây tam giác mạch đã xuất hiện ở địa phương này, nhưng người dân rất ít trồng vì họ chưa nhận thấy giá trị kinh tế của nó. Khi được UNESCO công nhận Công viên địa chất cao nguyên đá Đồng Văn là thành viên Mạng lưới công viên địa chất toàn cầu, vùng này đã trở thành địa điểm tham quan của nhiều du khách trong và ngoài nước. Họ không chỉ biết đến Đồng Văn bởi cao nguyên đá mà còn biết đến Đồng Văn bởi lễ hội và câu chuyện về loài hoa tam giác mạch. Từ việc triển khai thực hiện đề án phát triển 3 cây (Tam giác mạch, dược liệu, lê) của ngành nông nghiệp huyện, người dân ở huyện Đồng Văn nói chung và người Lô Lô ở xã Lũng Cú nói riêng đã nắm bắt cơ hội và phát triển nguồn lợi từ cây tam giác mạch gắn với phát triển du lịch. Hiện nay, loại cây trồng này đã giúp nhiều hộ gia đình người Lô Lô ở xã Lũng Cú cũng như người dân huyện Đồng Văn thoát nghèo. Phỏng vấn chị Sinh Thị Tiên ở thôn Lô Lô Chải, chúng tôi được biết, mỗi vụ tam giác mạch gia đình chị thu được 10 triệu đồng từ dịch vụ tham quan hoa tam giác mạch. Nhà nào có vườn tam giác mạch ở khu trung tâm sẽ có nguồn thu cao hơn. Từ dịch vụ này, người dân còn kết hợp cho thuê các dịch vụ khác kèm theo như: chụp ảnh, cho thuê trang phục dân tộc, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ lưu trú.

Trước những năm 80 của thế kỷ XX, người Lô Lô chỉ tập trung vào trồng trọt cây lương thực là chính, những gia đình khá giả phát triển thêm chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ đó đến nay, chăn nuôi của người Lô Lô đã phát triển và chiếm phần đáng kể trong thu nhập gia đình (Khổng Diễm - Trần Bình, 2007). Tuy nhiên chăn nuôi của người Lô Lô chưa tách thành một hoạt động kinh tế độc lập với nông nghiệp. Chăn nuôi còn phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm, ngược lại trồng trọt cũng cần phân bón từ chăn nuôi (Vũ Diệu Trung, 2009).

Từ những năm 1980 trở lại đây, chăn nuôi của người Lô Lô phát triển tương đối với sự hiện diện của nhiều giống vật nuôi như: ngựa (*mô ồng*), trâu (*zia nhù*), bò (*nhu*), dê (*xí*), lợn (*vá/vùa*), gà (*á/go*), vịt (*go pí*), ngỗng (*go ngà*) (Khổng Diễm - Trần Bình, 2007),... Theo Vũ Diệu Trung, người Lô Lô Đen ở Hà Giang hiện không còn nuôi ngựa, thay vào đó lợn được chăn nuôi nhiều hơn ở mỗi gia đình với mục đích để dùng chủ yếu cho cúng tế, lễ tết, cưới hỏi, tang ma và bán ra thị trường theo nhu cầu tiêu dùng của xã hội (Vũ Diệu Trung, 2009).

Cùng với chính sách đẩy mạnh phát triển chăn nuôi của Nhà nước khiến cho xu hướng chăn nuôi đặc biệt là nuôi bò, dê và gà của người Lô Lô ở xã Lũng Cú ngày càng trở nên phổ biến. Ngoài ra, người dân trong thôn còn tích cực trồng cỏ để chăn nuôi bò, dê đạt hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, việc thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê; giúp đỡ người nghèo về giống lợn, dê, gia cầm đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao thu nhập của người dân. Đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn có sự phát triển khá nhanh về số lượng cũng như chất lượng. Sản phẩm thịt bò đã trở thành đặc sản và được thị trường rất ưa chuộng. Tuy nhiên, mấy năm gần đây do xuất hiện của một số bệnh như cúm gia cầm, lở mồm long móng, rét đậm, rét hại đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn.

Theo Báo cáo tổng kết năm 2017 của UBND xã Lũng Cú, kết quả chăn nuôi đạt được trong năm với tổng số đàn gia súc của thôn là 558 con; trong đó: bò 110 con, trâu 6 con, dê 56 con, lợn 230 con. Đề án phát triển 4 con (bò, lợn, dê, ong) đạt được kết quả tốt, thu hút được nhiều hộ dân ở địa phương tham gia. Mô hình nuôi gà đen và gà xương đen cũng được phát triển nhân rộng, trở thành đặc sản của địa phương, được thị trường rất ưa chuộng, nhất là các nhà hàng trên địa bàn huyện nên việc nuôi gà sẽ có đầu ra ổn định. Tuy nhiên, các hộ gia đình chỉ cho ăn ngô, thóc, gà đen lại là giống sinh sản và phát triển chậm nên khoảng 7 - 8 tháng mới bán được một lứa. Bù lại thịt gà chắc, ngọt, có chất lượng hơn các loại gà khác.

Hiện nay người Lô Lô đang tiếp tục tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phát triển những mô hình chăn nuôi gà, lợn, chim bồ câu, bò... để phát triển kinh tế gia đình, góp phần hướng tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo, làm thay đổi nhận thức của người Lô Lô về phát triển kinh tế - xã hội, nhằm nâng cao đời sống và xây dựng quê hương.

2.2. Biến đổi trong hoạt động kinh tế thủ công nghiệp

So với trồng trọt và chăn nuôi, hoạt động thủ công nghiệp của người Lô Lô trước đây mặc dù đa dạng nhưng ít được chú trọng phát triển, một phần do nhu cầu của thị trường trước đây chưa ổn định, một phần do người dân không được định hướng, còn lúng túng trong việc lựa chọn phát triển ngành nghề phù hợp với địa phương mình. Các hoạt động sản xuất thủ công nghiệp chỉ mang tính tự túc, tự cấp, tranh thủ những khi rảnh rỗi hoặc vào mùa nông nhàn. Người Lô Lô thường làm một số nghề chính như nghề đan lát, nghề làm ngói, nghề thêu, nghề mộc.

Theo Khổng Diễn - Trần Bình (2007), nghề mộc của người Lô Lô không thực sự phát triển. Nam giới dân tộc Lô Lô chỉ làm được các loại vật dụng đơn giản như: ghế, đòn ế ngói, bàn, cối, diệp cày, tay cày, bắp cày vai và ách trâu, bừa, thùng đựng nước, tranh bát, hòm đựng quần áo, mâm, khung dệt,... Bên cạnh nghề mộc, người Lô Lô còn có nghề dệt vải, kỹ thuật dệt vải mang tính giản đơn và được làm những phụ nữ trong các gia đình khá giả.

Nghề đan lát của người Lô Lô đáp ứng được nhu cầu thị trường hơn một chút, do sản phẩm tạo ra từ nghề đan mang tính đa dụng, nguyên liệu được làm từ mây tre với sản phẩm

là các đồ gia dụng phục vụ đời sống hàng ngày. Từ khi được Nhà nước và các cơ quan chuyên môn quan tâm, địa phương đã tận dụng mọi nguồn lực cũng như các chính sách đầu tư nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, do đó lĩnh vực công nghiệp của xã Lũng Cú đã có những chuyển biến tích cực. Một số nghề truyền thống như nghề mộc, nghề làm ngói máng, nghề thêu và dệt may trang phục truyền thống, sản xuất các mặt hàng thổ cẩm đã được khôi phục và phát triển để có những sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch, góp phần giải quyết lao động nông nhàn, tăng thu nhập cho các hộ gia đình, Từ đó, đời sống của người dân được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 75% năm 2007 xuống còn 46% năm 2014; thu nhập bình quân đầu người năm 2007 là 1 triệu đồng/người/năm, đến năm 2017 tăng lên 13 triệu đồng/người/năm.

Trước đây người Lô Lô Đen ở xã Lũng Cú chưa có làng nghề và đội ngũ thợ thủ công chuyên nghiệp. Trong những năm gần đây, chính quyền địa phương đã xây dựng mô hình tổ chức hợp tác xã, làng nghề trong lĩnh vực thủ công nghiệp. Tiêu biểu xã đã phối hợp với Hội phụ nữ tỉnh Hà Giang hỗ trợ mở lớp truyền dạy nghề cho những người có nhu cầu học. Năm 2013 làng nghề dệt thổ cẩm dân tộc Lô Lô ở xã Lũng Cú đã được thành lập và công nhận. Làng nghề này đã được tỉnh, huyện hỗ trợ một số trang thiết bị như: máy khâu, kéo, thước đo, chỉ thêu, vải, kim... phục vụ việc lưu giữ và truyền dạy ngành nghề. Để đào tạo và lưu giữ nét truyền thống của dân tộc Lô Lô, chính quyền xã cũng đã vận động những người già có tay nghề truyền dạy lại cho các thế hệ sau, đến nay làng nghề đã thu hút được nhiều người trong xã tham gia. Các sản phẩm như: trang phục dân tộc Lô Lô truyền thống, quần, áo, khăn, váy, túi xách trang trí hoa văn... được trưng bày và bán cho du khách đến thăm quan Cột cờ Lũng Cú. Theo Báo cáo về thực trạng sản xuất kinh doanh làng nghề thêu, dệt thổ cẩm ở thôn Lô Lô Chải của UBND xã tháng 6 năm 2017, từ năm 2013 đến 2017, ước tính tổng số tiền thu được từ sản phẩm thêu, dệt là 159 triệu đồng.

Mặc dù làng nghề dệt may của dân tộc Lô Lô xã Lũng Cú trong những năm qua đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, nhưng phải khẳng định rằng, nhìn tổng thể hoạt động này vẫn còn có những hạn chế. Trước hết để hoàn thiện được một bộ trang phục người dân phải mất rất nhiều thời gian, có thể 2 đến 3 năm mới có được sản phẩm. Do tốn nhiều thời gian và công sức như vậy nên sản phẩm đưa ra thị trường sẽ có giá thành cao, khiến việc tiêu thụ chậm, thậm chí không thể tiêu thụ được sản phẩm. Nguồn cung cấp nguyên liệu như vải, chỉ thêu đa phần nhập mua tại chợ ở Trung Quốc, chất lượng không đảm bảo nên tính “truyền thống” của các sản phẩm này cũng có thể bị biến đổi.

2.3. Biến đổi trong hoạt động thương mại, dịch vụ

Cùng với danh thắng Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, thôn Lô Lô Chải hiện là điểm tham quan, trải nghiệm văn hóa truyền thống của du khách trong và ngoài nước. Sau khi Dự án “Bảo tồn làng văn hóa truyền thống Lô Lô Chải” hoàn thành năm 2010, nhiều đoàn khách du lịch sau khi tham quan cột cờ Lũng Cú đã đến tham quan và nghỉ qua đêm tại thôn nhằm thưởng thức, khám phá và trải nghiệm giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Lô Lô. Dự án

hoàn thành góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng người Lô Lô về di sản văn hóa, đồng thời tạo nên ý thức tự giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người.

Từ nhận thức đó, một số hộ dân Lô Lô đã giảm bớt các hoạt động kinh tế truyền thống chuyển sang kinh doanh du lịch cộng đồng, năm 2007 trong thôn có 5 hộ gia đình đầu tư làm dịch vụ homestay, thậm chí có hộ còn làm nhà trình tường kiên cố, đầu tư trang thiết bị, giường, đệm tới 20 giường để làm cơ sở lưu trú phục vụ khách du lịch. Qua phỏng vấn anh Vàng Rỉ Tinh - Bí thư thôn Lô Lô Chải, chúng tôi được biết: trong năm 2017 thôn đã đón tiếp được khoảng 35 đoàn với 888 khách sử dụng dịch vụ ăn, uống, lưu trú và trải nghiệm, thu nhập từ dịch vụ là 63 triệu đồng. Mặc dù phát triển du lịch cộng đồng đang là hướng đi đúng, phát huy được thế mạnh của địa phương. Tuy nhiên, để loại hình du lịch này thực sự phát triển, đòi hỏi phải có sự đầu tư theo chiều sâu, mang tính chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, người Lô Lô còn tham gia buôn bán, trao đổi hàng hóa trong các chợ phiên ở khu vực. Hàng hóa được trao đổi, mua bán khá phong phú, đó là các sản phẩm trồng trọt như thóc, ngô, khoai, đậu... hay những sản phẩm chăn nuôi như bò, lợn, gà... và các loại lâm thổ sản như mộc nhĩ, nấm hương, các loại thảo dược chữa bệnh. Hoạt động thương mại của người Lô Lô chủ yếu là buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, các loại giống cây trồng, vật nuôi. Ngoài ra, do cư trú sát vùng biên nên người Lô Lô cũng thường xuyên tham gia hoạt động mua bán, trao đổi ở các chợ giáp biên với những mặt hàng phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu và các mặt hàng phục vụ sản xuất. Cho đến nay, nhờ sự phát triển của kinh tế và các ngành thương mại dịch vụ cùng sự hỗ trợ phát triển của nhà nước, đời sống kinh tế của người Lô Lô dần đi vào ổn định và có điều kiện phát triển hơn.

2.4. Biến đổi trong hoạt động khai thác sản vật tự nhiên

Trước đây, hoạt động khai thác gỗ, săn bắt, hái lượm của người Lô Lô được thực hiện thường xuyên với sự phân công lao động và phân chia sản phẩm săn bắn, hái lượm một cách rõ ràng. Tuy nhiên, hiện nay do tác động của biến đổi khí hậu cũng như hệ quả của việc khai thác không hợp lý nên môi trường bị hủy hoại, nhiều cánh rừng biến mất do khai thác gỗ tràn lan, sông suối khô cạn dần, muông thú gần như cạn kiệt khiến cho hoạt động săn bắt không còn điều kiện phát triển. Không thể phủ nhận vai trò của những sản vật phụ từ núi rừng mang lại cho người dân tại các địa phương miền núi, đặc biệt là các hộ nghèo có thêm thu nhập, trang trải cuộc sống, nhưng khi hoạt động mua, bán các sản vật từ rừng càng diễn ra sôi nổi, lượng người đi khai thác ngày càng đông thì các sản vật này ngày càng trở nên khan hiếm, nhiều loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng.

2.5. Hoạt động làm thuê và vận chuyển khách

Trước kia, người Lô Lô Đen cư trú thành từng xóm riêng biệt, những năm gần đây chính sách phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng cao, cộng thêm quan hệ tộc người ngày càng trở nên đa dạng và gia tăng mức hòa nhập, đã có những hộ người Hán cộng cư với người Lô Lô. Các yếu tố toàn cầu hóa như du lịch, hợp tác lao động quốc tế, truyền thông đại

chúng, thời trang... đang tạo ra những mối quan hệ mới cho người Lô Lô. Bên cạnh đó, nhu cầu việc làm ngày càng cao nên đã có khá đông người Lô Lô sang phía biên giới Trung Quốc giao thương buôn bán và làm thuê. Họ có thể dễ dàng tìm được nhiều công việc với mức thu nhập cao hơn so với trong nước và thường tranh thủ những lúc nông nhàn để tham gia các hoạt động làm thuê. Họ đã phát triển nhiều nghề phụ như đi làm thuê, khai thác lâm thổ sản ở hai bên biên giới, đi làm ăn xa dưới nhiều hình thức, hoặc mở các dịch vụ và xe ôm đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương và khách du lịch.

Tuy nhiên những hoạt động này cũng gây ra nhiều hệ lụy liên quan đến các vấn đề xã hội, biến đổi văn hóa... đang ngày càng phức tạp ở nhiều địa bàn. Đa số người Lô Lô đi làm thuê ở bên kia biên giới theo con đường không chính thống, vì thế họ trở thành lao động bất hợp pháp trên nước bạn và không hề có sự bảo hộ nào. Đây chính là điểm yếu dễ bị chủ người Trung Quốc lợi dụng, họ có thể bị chủ quỵt tiền công hoặc ngược đãi, bóc lột sức lao động,... Mặt khác, những người này có thể gặp rủi ro từ tai nạn lao động hoặc sức khỏe. Bên cạnh đó, người dân đi làm thuê bên kia biên giới thường du nhập những nét văn hóa của nước bạn như kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực, văn hóa văn nghệ... gây ra nguy cơ mai một dần văn hóa truyền thống của người Lô Lô.

3. Một số vấn đề đặt ra

Đối với các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, trong đó có người Lô Lô thì xóa đói giảm nghèo được coi là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta trong định hướng phát triển miền núi, thiết lập công bằng xã hội giữa các vùng miền, các dân tộc. Chủ trương xóa đói giảm nghèo cho người Lô Lô nói riêng và các dân tộc thiểu số rất ít người nói chung đã được cụ thể hoá bằng hàng loạt các chính sách, chương trình, dự án,... Cũng từ những động thái này, cuộc sống của người Lô Lô ở xã Lũng Cú đã có nhiều thay đổi đáng kể, dù rằng cũng gặp phải không ít thách thức. Sự thuận lợi của tự nhiên đã tạo cho người Lô Lô ở vùng núi đá có hoạt động kinh tế phong phú hơn, đời sống khá giả hơn trong mấy năm gần đây. Tuy vậy, nếu so với các tộc người sống ở thung lũng thì đời sống của người Lô Lô ở xã Lũng Cú còn hết sức khó khăn bởi tình trạng sản xuất chậm phát triển, năng suất cây trồng và vật nuôi thấp, các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài không đáng kể,... Bình quân thu nhập đầu người chỉ từ 8 đến 10 triệu đồng/người/năm, không có hộ giàu, hộ khá ít, tỷ lệ hộ nghèo đang có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ hộ cận nghèo khá cao. Có lẽ do tâm lý chung của người dân là đang quá chú trọng vào những nguồn thu mang lại tiền mặt hàng ngày nên chưa chú ý đầu tư toàn diện nguồn lực các mô hình sinh kế đem lại lợi ích lâu dài.

Chương trình 135, chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất nhà ở và nước sinh hoạt, chính sách hỗ trợ tín dụng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên tuyến biên giới Việt - Trung... đã giúp 100% hộ nghèo thuộc dân tộc Lô Lô được hỗ trợ phát triển sản xuất về giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, được tập huấn các kiến thức khuyến nông, khuyến lâm,... Có thể khẳng định rằng, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã được ban hành đồng bộ trên tất cả các mặt, song do nguồn vốn hạn hẹp, trong khi đối tượng hưởng lợi

lớn nên việc hỗ trợ không tránh được dàn trải, định mức thấp, chưa đủ lực để đưa dân tộc Lô Lô vươn lên thoát khỏi đói nghèo. Nan giải nhất là việc lựa chọn, bình xét hộ nghèo còn rất nhiều bất cập, bao gồm cả sự hạn chế về năng lực, trình độ của cán bộ thực thi. Hệ quả là nguồn vốn tín dụng nhiều khi không đến đúng, đến đủ đối tượng. Với những hộ đã được hưởng dụng ưu đãi, không thiếu những trường hợp sử dụng nguồn vốn vay ngoài mục đích phát triển sản xuất. Còn với những hộ đã sử dụng vốn vay đúng mục đích, sự hạn chế của họ về trình độ, năng lực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất cũng là một rào cản lớn. Mặc dù cả cán bộ và người dân địa phương đã qua các lớp tập huấn trồng các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hoá nhưng khi triển khai trên thực tế, hiệu quả mang lại không được như mong đợi. Mặt khác, gia tăng dân số và suy thoái tài nguyên đang làm cho quỹ đất sản xuất bị thu hẹp dần; chất lượng nguồn nhân lực thấp, đời sống tại địa bàn miền núi giáp biên luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro... đang là những nguyên nhân căn bản khiến cho công cuộc xoá đói giảm nghèo ở vùng người Lô Lô chưa thực sự bền vững.

Các nguồn lực sinh kế sẵn có giúp đảm bảo khả năng chống chịu của cộng đồng trước những rủi ro mới của đời sống nhìn chung chưa được gìn giữ hiệu quả. Tuy nhiên, trước sức ép của vấn đề đói nghèo và sự gia tăng dân số, ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của người Lô Lô hiện đang có dấu hiệu suy giảm. Phần lớn diện tích rừng ở xã Lũng Cú đã nằm trong sự quản lý của Hạt kiểm lâm. Diện tích ruộng nước không đáng kể, nhu cầu lương thực tăng nhanh, sự phát triển du lịch, kinh tế, hàng hoá... đã đẩy nhanh tình trạng phá rừng, khai hoang để chuyển dần đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp. Trong khi đó, diện tích đất trồng ở xã Lũng Cú lại ít, lượng mưa tập trung theo mùa, độ che phủ giảm nên rất hạn chế cho nông nghiệp. Nhiều hộ buộc phải canh tác trên những vùng đất không thích hợp, các sườn đồi, núi được canh tác bị xói mòn, thời gian bỏ hoá bị rút ngắn dần đã càng đẩy nhanh sự bạc màu của đất. Ngoài ra, tình trạng lạm dụng phân bón hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật của người dân cũng gây nên những tác động xấu đến chất lượng môi trường, làm thiệt hại về sức khoẻ, nguồn lực tài chính, năng suất cây trồng của người dân.

Về khía cạnh xã hội, do sự phát triển của du lịch cộng đồng, một số hộ dân đã bỏ dần các hoạt động nông nghiệp để chuyển sang kinh doanh du lịch, nhưng do có những hạn chế về giao thông, chưa có sự đầu tư về cơ sở hạ tầng và tính chuyên nghiệp như đã nêu ở trên, nên kéo theo một số rủi ro và hệ lụy bởi tính thời vụ của du lịch và gây ra những cản trở nhất định trong việc giữ gìn bản sắc truyền thống.

Một khía cạnh khác là do tỷ lệ đói nghèo vẫn còn nên việc sử dụng lao động trẻ em trong gia đình còn rất phổ biến, thường thì trẻ em từ 5 tuổi trở lên đã phải tham gia phụ giúp cha mẹ, lớn hơn một chút thì con trai vào rừng kiếm củi, lấy lá thuốc cùng cha, con gái ở nhà trông em, chăn gia súc. Nhiều năm gần đây, có không ít em ở độ tuổi 12 tuổi trở lên đã đi làm thuê xa nhà, thậm chí sang cả bên kia biên giới tìm việc làm. Đời sống rất vất vả khiến cho nhiều em không được đi học hoặc bỏ học, tiếp tục duy trì vòng luẩn quẩn của nghèo đói.

Một vấn đề khác là nhu cầu sử dụng lao động Việt Nam từ phía bên kia biên giới cũng bao gồm cả công việc bất hợp pháp như buôn lậu, vận chuyển hàng hóa cấm (động vật quý hiếm, vật liệu nổ, thuốc phiện...), và bản thân việc công dân Việt Nam tự ý đi qua biên giới cũng là trái phép. Ở xã Lũng Cú, đã có ghi nhận về một số đối tượng lôi kéo phụ nữ dân tộc thiểu số (trong đó có người Lô Lô) vượt biên để đi làm thuê, nhưng thực chất là lừa bán cho người khác. Với những người muốn được đưa qua biên giới để lao động thực sự, nhưng không đăng ký mà chấp nhận là lao động bất hợp pháp nên không có bảo hiểm, khi bị tai nạn lao động thì không được bồi hoàn hay đảm bảo bất cứ quyền lợi nào. Đó là chưa kể nguy cơ bị ngược đãi, bị bóc lột, bị quỵt tiền công,... Ngoài ra, bản thân những người lao động cũng đang vi phạm luật xuất nhập cảnh trái phép và khi bị chính quyền nước bạn phát hiện thì họ phải trốn tránh hoặc tìm đường trở về Việt Nam, gây mất an ninh trật tự vùng biên giới những năm vừa qua.

Kết luận

Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các chính sách xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ sản xuất bằng những phương pháp canh tác tiến bộ cùng sự giao lưu học hỏi các dân tộc xung quanh đã thúc đẩy nhanh quá trình thay đổi trong sản xuất, giúp cho hoạt động mưu sinh cũng như đời sống của người Lô Lô ở xã Lũng Cú ngày càng ổn định và ấm no hơn. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chương trình hỗ trợ cho các dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có người Lô Lô như chương trình 134 hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; chương trình 135 phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Vấn đề đặt ra là cần có các công trình thủy nông được xây dựng để phục vụ cho nông nghiệp cũng như nước sinh hoạt. Tạo công ăn việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động, tập trung nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất cho đồng bào, tổ chức có hiệu quả hoạt động khuyến nông - khuyến lâm. Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật hướng dẫn người dân cách làm ăn, biết áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất từ thực tế. Cần có những chính sách cụ thể và thiết thực đầu tư cho các chương trình mục tiêu về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Trong đó cần đặc biệt coi trọng đầu tư trực tiếp cho chủ thể các di sản văn hóa, có chính sách hỗ trợ cho các nghệ nhân của đồng bào dân tộc Lô Lô nhằm đẩy mạnh làng nghề dệt may truyền thống.

Muốn thực hiện được những vấn đề trên phải đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, tiếp tục đổi mới chính sách và tạo điều kiện để phát triển kinh tế tập thể. Cùng với đó, phối hợp với các ngành chuyên môn xây dựng chương trình đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực công nghiệp, tìm kiếm và xây dựng mô hình phù hợp, có hiệu quả kinh tế,... Đặc biệt là xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp, sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch, chế biến..., góp phần đẩy mạnh phát triển dịch vụ du

lịch địa phương. Như vậy mới đáp ứng được yêu cầu CNH - HĐH nông nghiệp nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo một cách bền vững cho người dân.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Đánh giá hiệu quả thực hiện hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị làng truyền thống tiêu biểu dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang, Số: 245/BC-VHTTDL Ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang.
2. Khổng Diễn, Trần Bình (đồng chủ biên, 2007), *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
3. Phạm Đăng Hiến, Nguyễn Văn Minh (2008), *Văn hoá tinh thần của người Lô Lô*, Tài liệu lưu trữ tại thư viện Viện Dân tộc học.
4. Nguyễn Văn Huy (1985), *Văn hoá và nếp sống các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hà Nhì - Lô Lô*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội.
5. Hoàng Nam (2013), *Tổng quan văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Anh Ngọc (1975), “Trồng trọt ruộng màu và thổ canh hộc đá ở người Lô Lô Hà Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 74-80.
7. Vũ Diệu Trung (2009), *Người Lô Lô Đen ở Hà Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Lê Trung Vũ (2013), *Văn hóa dân tộc ít người - Tuyển tập văn học dân gian Hà Giang*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.